

Số: **1991** /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày **30** tháng **9** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm
bàn, ghế từ Ma-lai-xi-a và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Quyết định số 3752/QĐ-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phòng vệ thương mại;

Căn cứ Quyết định số 2091/QĐ-BCT ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm bàn, ghế có xuất xứ từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Ma-lai-xi-a;

Căn cứ Quyết định số 1621/QĐ-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc gia hạn thời hạn điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm bàn, ghế có xuất xứ từ Ma-lai-xi-a và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm bàn, ghế được phân loại theo các mã HS 9401.30.00, 9401.40.00, 9401.61.00, 9401.69.90, 9401.71.00, 9401.79.90, 9401.80.00, 9401.90.40, 9401.90.92, 9401.90.99, 9403.30.00, 9403.60.90, 9403.90.90 từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (mã vụ việc: AD16). Nội dung chi tiết được nêu tại Thông báo kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Không áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm bàn, ghế được phân loại theo các mã HS 9401.30.00, 9401.40.00, 9401.61.00, 9401.69.90, 9401.71.00, 9401.79.90, 9401.80.00, 9401.90.40, 9401.90.92, 9401.90.99, 9403.30.00, 9403.60.90, 9403.90.90 từ Ma-lai-xi-a theo quy định tại khoản 3 Điều 78 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày tính từ ngày được ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại và Thủ trưởng các đơn vị, các bên liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TC, NG, TTTT;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Các website: Chính phủ, Bộ Công Thương;
- Tổng cục Hải quan (Cục TXNK, Cục GSQL);
- Các Cục: CN, XNK;
- Các Vụ: AP, ĐB, PC, KHCN;
- Văn phòng BCĐLN HNQT về kinh tế;
- Lưu: VT, PVTM (08).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Quốc Khánh

THÔNG BÁO

Áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm bàn, ghế từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1991/QĐ-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

1. Hàng hóa bị áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời

Hàng hóa bị áp dụng thuế chống bán phá giá (CBPG) tạm thời bao gồm một số sản phẩm bàn, ghế từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc).

1.1. Sản phẩm bàn

a) Tên gọi và đặc tính cơ bản

Sản phẩm bàn bị áp dụng thuế CBPG tạm thời là bàn ở dạng đã lắp ghép hoàn chỉnh hoặc đóng gói như các bộ phận bàn đi kèm với nhau để lắp ghép tại chỗ. Bàn đã lắp ghép hoàn chỉnh là bàn sẵn sàng cho việc sử dụng hoặc có thể được lắp ghép thêm một số phần như hộc tủ, kệ...

Sản phẩm bàn nói trên có các đặc điểm sau:

- Mặt bàn được làm bằng gỗ công nghiệp, bề mặt phủ melanin, dán giấy, phủ véc-ni hoặc laminate.
- Chân bàn được làm bằng gỗ công nghiệp hoặc kim loại.
- Bàn có kích thước như sau:
 - Chiều dài: từ 990mm đến không vượt quá 3.210mm;
 - Chiều rộng: từ 590mm đến không vượt quá 1.410mm;
 - Độ dày mặt bàn (bao gồm lớp phủ): từ 12mm đến không vượt quá 85mm.
 - Chiều cao từ mặt đất đến mặt trên của mặt bàn: từ 675mm đến không vượt quá 770mm.

Đối với dạng bàn ghép, bàn module, kích thước trên được áp dụng cho phần bàn đơn trước khi ghép lại.

b) Mã số hàng hóa (Mã HS) và mức thuế nhập khẩu hiện hành

Sản phẩm bàn bị áp dụng thuế CBPG tạm thời được phân loại theo mã HS sau: 9403.30.00, 9403.60.90 và 9403.90.90.

Mã số	Mô tả hàng hoá	Thuế ưu đãi	ATIGA	ACFTA
94.03	Đồ nội thất khác và các bộ phận của chúng.			
9403.30.00	- Đồ nội thất bằng gỗ được sử dụng trong văn phòng	25%	0%	20%
9403.60	- Đồ nội thất bằng gỗ khác:			
9403.60.90	- - Loại khác	25%	0%	0% ¹
9403.90	- Bộ phận:			
9403.90.90	- - Loại khác	20%	0%	0% ²

Bộ Công Thương có thể sửa đổi, bổ sung danh sách các mã HS của hàng hoá bị áp dụng thuế CBPG tạm thời để phù hợp với mô tả hàng hoá bị điều tra và các thay đổi khác (nếu có).

c) Hàng hóa được loại trừ áp dụng thuế CBPG tạm thời

Sản phẩm bàn thỏa mãn một trong các điều kiện sau đây được loại trừ khỏi phạm vi áp dụng thuế CBPG tạm thời đối với sản phẩm bàn:

- Bàn làm toàn bộ từ các chất liệu nhựa;
- Bàn làm toàn bộ hoặc có ít nhất một bộ phận chính (chân bàn, mặt bàn, khung bàn) làm từ mây, liễu gai, tre hoặc các vật liệu tương tự;
- Bàn có kích thước khác với kích thước của sản phẩm bàn đã nêu ở mục 1.1 (a) nói trên.

1.2. Sản phẩm ghế

a) Tên gọi và đặc tính cơ bản

¹ Không áp dụng với hàng hóa từ Campuchia, Bru-nây

² Không áp dụng với hàng hóa từ Campuchia

Sản phẩm ghế bị áp dụng thuế CBPG tạm thời là ghế quay hoặc không quay, có thể điều chỉnh độ cao hoặc không thể điều chỉnh độ cao, có thể ngả hoặc không thể ngả, có thể hoặc không thể chuyển thành giường, ở dạng lắp ghép hoàn chỉnh hoặc đóng gói như các bộ phận ghế đi kèm với nhau để lắp ghép tại chỗ.

Ghế có chiều cao từ mặt đất đến mặt trên của mặt ghế từ trên 420mm đến dưới 600mm ($420\text{mm} < \text{chiều cao từ mặt đất đến mặt trên của mặt ghế} < 600\text{mm}$).

b) Mã số hàng hóa (Mã HS) và mức thuế nhập khẩu hiện hành

Sản phẩm ghế bị áp dụng thuế CBPG tạm thời được phân loại theo mã HS sau: 9401.30.00, 9401.40.00, 9401.61.00, 9401.69.90, 9401.71.00, 9401.79.90, 9401.80.00, 9401.90.40, 9401.90.92 và 9401.90.99.

Mã số	Mô tả hàng hoá	Thuế ưu đãi	ATIGA	ACFTA
9401	Ghế ngồi (trừ các loại thuộc nhóm 94.02), có hoặc không chuyển được thành giường, và bộ phận của chúng.			
9401.30.00	- Ghế quay có điều chỉnh độ cao	25%	0%	5%
9401.40.00	- Ghế có thể chuyển thành giường, trừ ghế trong vườn hoặc đồ cắm trại	25%	0%	0%
	- Ghế khác, có khung bằng gỗ:			
9401.61.00	- - Đã nhồi đệm	25%	0%	0% ³
9401.69	- - Loại khác:			
9401.69.90	- - - Loại khác	25%	0%	0% ⁴
	- Ghế khác, có khung bằng kim loại:			
9401.71.00	- - Đã nhồi đệm	25%	0%	0% ⁵
9401.79	- - Loại khác:			
9401.79.90	- - - Loại khác	25%	0%	0% ⁶
9401.80.00	- Ghế khác	25%	0%	0% ⁷
9401.90	- Bộ phận:			

³ Không áp dụng với hàng hóa từ Campuchia

⁴ Không áp dụng với hàng hóa từ Campuchia, Bru-nây

⁵ Không áp dụng với hàng hóa từ Campuchia

⁶ Không áp dụng với hàng hóa từ Campuchia

⁷ Không áp dụng với hàng hóa từ Campuchia, Bru-nây

9401.90.40	- - Cửa ghế thuộc phân nhóm 9401.30.00	20%	0%	0% ⁸
	- - Loại khác:			
9401.90.92	- - - Bằng plastic	20%	0%	0%
9401.90.99	- - - Loại khác	20%	0%	0%

Bộ Công Thương có thể sửa đổi, bổ sung danh sách các mã HS của hàng hoá bị áp dụng thuế CBPG tạm thời để phù hợp với mô tả hàng hoá bị điều tra và các thay đổi khác (nếu có).

c) Hàng hóa được loại trừ áp dụng thuế CBPG tạm thời

Sản phẩm ghế thỏa mãn một trong các điều kiện sau đây được loại trừ khỏi phạm vi áp dụng thuế CBPG tạm thời đối với sản phẩm ghế:

- Ghế làm toàn bộ từ các chất liệu nhựa;
- Ghế làm toàn bộ hoặc có ít nhất một bộ phận chính (mặt ghế, ốp dưới mặt ghế, tựa ghế, chân ghế, khung ghế) làm từ mây, liễu gai, tre hoặc vật liệu tương tự;
- Ghế có chiều cao thấp nhất tính từ mặt đất đến mặt trên của mặt ghế nhỏ hơn hoặc bằng 420mm;
- Ghế có chiều cao cao nhất tính từ mặt đất đến mặt trên của mặt ghế lớn hơn hoặc bằng 600mm.

2. Mức thuế CBPG tạm thời

STT	Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu	Mức thuế CBPG tạm thời
	(Cột 1)	(Cột 2)
SẢN PHẨM BÀN		
1	Tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu hàng hóa từ Trung Quốc	35,20%
SẢN PHẨM GHẾ		
1	Tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu hàng hóa từ Trung Quốc	21,40%

⁸ Không áp dụng với hàng hóa từ Trung Quốc

3. Hiệu lực và thời hạn áp dụng thuế CBPG tạm thời

a) Hiệu lực

Thuế CBPG tạm thời có hiệu lực sau 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Quyết định áp dụng thuế CBPG tạm thời được ban hành.

b) Thời hạn áp dụng

Thuế CBPG tạm thời có thời hạn áp dụng là 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ ngày có hiệu lực (*trừ trường hợp được gia hạn, thay đổi, hủy bỏ theo quy định pháp luật*).

c) Áp dụng thuế CBPG có hiệu lực trở về trước

- Theo quy định tại khoản 4 Điều 81 Luật Quản lý ngoại thương, trong trường hợp kết luận cuối cùng của Cơ quan điều tra xác định có thiệt hại đáng kể hoặc có đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước, Bộ trưởng Bộ Công Thương có thể quyết định áp dụng thuế CBPG có hiệu lực trở về trước.

- Thuế CBPG được áp dụng có hiệu lực trở về trước đối với hàng hóa nhập khẩu trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày trước khi áp dụng thuế CBPG tạm thời nếu hàng hóa nhập khẩu được xác định bị bán phá giá; khối lượng hoặc số lượng hàng hóa bị bán phá giá nhập khẩu vào Việt Nam tăng nhanh đột biến trong giai đoạn từ khi tiến hành điều tra đến khi áp dụng thuế CBPG tạm thời và gây ra thiệt hại khó có khả năng khắc phục cho ngành sản xuất trong nước.

4. Thủ tục, hồ sơ kiểm tra và áp dụng thuế CBPG tạm thời

Để có cơ sở xác định hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng áp dụng thuế CBPG, Cơ quan Hải quan sẽ thực hiện kiểm tra chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa gồm:

a) Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O); hoặc

b) Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa phù hợp với quy định tại:

- Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương;

- Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực;

- Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu;

- Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ai-len; hoặc
- Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN.

Nội dung kiểm tra cụ thể như sau:

- Trường hợp 1: Nếu người khai hải quan nộp được chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa từ nước, vùng lãnh thổ khác không phải là Trung Quốc thì không phải nộp thuế CBPG tạm thời.

- Trường hợp 2: Các trường hợp còn lại thì áp dụng mức thuế CBPG tạm thời như sau:

- + 35,20% đối với sản phẩm bàn;
- + 21,40% đối với sản phẩm ghế.

5. Trình tự thủ tục tiếp theo của vụ việc

Sau khi Bộ Công Thương ban hành Quyết định áp dụng thuế CBPG tạm thời, Cơ quan điều tra sẽ tiến hành các bước triển khai tiếp theo, cụ thể như sau:

- Thẩm tra nội dung bản trả lời câu hỏi điều tra;
- Tổ chức Phiên Tham vấn công khai;
- Gửi dự thảo kết luận điều tra cuối cùng cho bên liên quan để lấy ý kiến;
- Ban hành Kết luận điều tra cuối cùng.